

**ĐẢNG BỘ TP HẢI PHÒNG  
HUYỆN ỦY VĨNH BẢO**

\*

Số 925-CV/HU

V/v giao chỉ tiêu phát triển tổ chức đảng,  
đoàn thể và đảng viên năm 2023

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Vĩnh Bảo, ngày 06 tháng 3 năm 2023

**Kính gửi: Các chi bộ, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy.**

-----

Năm 2022, Đảng bộ huyện đã kết nạp được 188 đảng viên mới tăng 1,6% so với chỉ tiêu Nghị quyết của Huyện ủy; đã thành lập 01 tổ chức đảng, 06 tổ chức công đoàn và 02 tổ chức Hội Liên hiệp thanh niên tại khu vực kinh tế ngoài nhà nước theo Nghị quyết số 28-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy, hoàn thành chỉ tiêu thành phố giao. Có 08 đơn vị đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kết nạp đảng viên gồm: Đảng bộ thị trấn Vĩnh Bảo và Đảng bộ các xã: Giang Biên, Lý Học, Tam Cường, Dũng Tiến, Tân Hưng; các chi bộ: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Vĩnh Bảo, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Nam Am. Ban Thường vụ Huyện ủy biểu dương các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành, hoàn thành vượt chỉ tiêu kết nạp đảng viên mới. Bên cạnh kết quả đã đạt được, vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật chú trọng, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên và chưa đạt 50% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội, không hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên năm 2022 (*Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo*).

Theo Kế hoạch số 199-KH/TU, ngày 28/11/2022 của Ban Thường vụ Thành ủy; Nghị quyết số 06-NQ/HU, ngày 12/12/2022 của Huyện ủy, chỉ tiêu kết nạp đảng viên năm 2023 của Đảng bộ huyện là **280 đảng viên**, tăng 148,9% so với năm 2022. Để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu phát triển tổ chức đảng và đảng viên mới năm 2023, Ban Thường vụ Huyện ủy giao chỉ tiêu phát triển tổ chức đảng, đoàn thể, đảng viên năm 2023 (*Phụ lục 03 kèm theo*) và yêu cầu các cơ quan tham mưu, giúp việc của Huyện ủy và các cấp ủy đảng thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tập trung cao công tác tuyên truyền, giáo dục cho các tầng lớp Nhân dân nâng cao nhận thức về Đảng, hiểu rõ ý nghĩa, động cơ, mục đích đúng đắn khi được đứng trong hàng ngũ của Đảng, nhất là đội ngũ thanh niên, đoàn viên, học sinh Trung học phổ thông, hội viên, công nhân lao động...

2. Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, học tập, qua đó phát hiện, lựa chọn những đoàn viên, hội viên, học sinh ưu tú giới thiệu cho tổ chức đảng để bồi dưỡng, xem xét, kết nạp vào Đảng, tập trung vào các đối tượng: đoàn viên, học sinh lớp 12 (*sinh trước tháng 6/2005*), công chức, viên chức, công nhân lao động, đoàn viên, hội viên, tân binh,...

3. Căn cứ chỉ tiêu phát triển đảng được giao và nguồn kết nạp đảng tại cơ quan, đơn vị, địa phương, các cấp ủy cơ sở chủ động, sớm giao chỉ tiêu phát triển đảng cho các chi bộ trực thuộc; phân công và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy viên, trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, đảng viên chính thức trong chi bộ để phát hiện, hướng dẫn, giúp đỡ, bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú vào Đảng. Các chi bộ trực thuộc đưa công tác phát triển đảng viên vào nội dung sinh hoạt.

4. Đảng bộ các xã, thị trấn tiếp tục rà soát các điều kiện để xem xét và thành lập mới tổ chức Đảng, đoàn thể tại khu vực kinh tế ngoài nhà nước theo Nghị quyết 28-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy. Thành lập 01 chi bộ theo Nghị quyết số 28-NQ/TU của Ban Thường vụ Thành ủy thuộc Đảng bộ xã Tam Cường trong Quý 2/2023; Hoàn thành chỉ tiêu thành lập 06 tổ chức công đoàn và 02 tổ chức đoàn, Hội Liên hiệp thanh niên theo nội dung Công văn số 2373-CV/BTCTU ngày 24/02/2023 của Ban Tổ chức Thành ủy.

5. Giao Ban Tổ chức Huyện ủy chủ trì, phối hợp với Trung tâm Chính trị huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức mở các lớp nhận thức về Đảng phù hợp với đối tượng tham gia, đáp ứng điều kiện kết nạp đảng viên mới.

Kết quả phát triển tổ chức đảng và đảng viên là một trong những tiêu chí để đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng hằng năm. Ban Thường vụ Huyện ủy yêu cầu các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách cơ quan, đơn vị, địa phương, các ban xây dựng Đảng, thành viên Ban Chỉ đạo của Huyện ủy thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW và Nghị quyết 28-NQ/TU, các cấp ủy cơ sở chú trọng, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chỉ tiêu phát triển tổ chức đảng, đoàn thể, đảng viên tại cơ quan, đơn vị, địa phương./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi,
  - Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Huyện ủy,
  - Các ban xây dựng Đảng,
  - Thành viên BCD thực hiện Chỉ thị 10/TW,
- Nghị quyết số 28/TU,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**Bùi Gia Huấn**

**PHỤ LỤC 01****Kết quả phát triển đảng năm 2022**

(kèm theo Công văn số 925-CV/HU, ngày 06/3/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

(Theo dõi 50 Chi, đảng bộ trực thuộc có nguồn Kết nạp đảng)

| TT | Tên tổ chức đảng cơ sở | Chỉ tiêu giao | Kết quả đã kết nạp | Tỷ lệ hoàn thành% | Đánh giá                                                  |
|----|------------------------|---------------|--------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1  | Đảng bộ xã An Hòa      | 6             | 4                  | 66,67%            | Không hoàn thành                                          |
| 2  | Đảng bộ xã Cao Minh    | 7             | 7                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 3  | Đảng bộ xã Cổ Am       | 5             | 2                  | 40%               | Không hoàn thành                                          |
| 4  | Đảng bộ xã Cộng Hiền   | 6             | 6                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 5  | Đảng bộ xã Đồng Minh   | 5             | 5                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 6  | Đảng bộ xã Dũng Tiến   | 4             | 5                  | 125%              | Vượt chỉ tiêu 1                                           |
| 7  | Đảng bộ xã Giang Biên  | 7             | 8                  | 115%              | Vượt chỉ tiêu 1; đã thành lập 01 tổ chức đảng theo NQ 28; |
| 8  | Đảng bộ xã Hiệp Hòa    | 7             | 7                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 9  | Đảng bộ xã Hòa Bình    | 6             | 6                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 10 | Đảng bộ xã Hưng Nhân   | 4             | 3                  | 75%               | Không hoàn thành                                          |
| 11 | Đảng bộ xã Hùng Tiến   | 5             | 5                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 12 | Đảng bộ xã Liên Am     | 5             | 5                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 13 | Đảng bộ xã Lý Học      | 6             | 7                  | 117%              | Vượt chỉ tiêu 1                                           |
| 14 | Đảng bộ xã Nhân Hòa    | 6             | 6                  | 100%              | Hoàn thành                                                |
| 15 | Đảng bộ xã Tam Cường   | 5             | 6                  | 120%              | Vượt chỉ tiêu 1                                           |

|    |                                                               |          |          |               |                  |
|----|---------------------------------------------------------------|----------|----------|---------------|------------------|
| 16 | <b>Đảng bộ xã Tam Đa</b>                                      | <b>4</b> | <b>4</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 17 | <b>Đảng bộ xã Tân Hưng</b>                                    | <b>5</b> | <b>6</b> | <i>120%</i>   | Vượt chỉ tiêu 1  |
| 18 | <b>Đảng bộ xã Tân Liên</b>                                    | <b>5</b> | <b>5</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 19 | <b>Đảng bộ xã Thắng Thủy</b>                                  | <b>6</b> | <b>6</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 20 | <b>Đảng bộ xã Thanh Lương</b>                                 | <b>4</b> | <b>1</b> | <i>25%</i>    | Không hoàn thành |
| 21 | <b>Đảng bộ xã Thị trấn VB</b>                                 | <b>6</b> | <b>8</b> | <i>133,3%</i> | Vượt chỉ tiêu 2  |
| 22 | <b>Đảng bộ xã Tiền Phong</b>                                  | <b>4</b> | <b>3</b> | <i>75%</i>    | Không hoàn thành |
| 23 | <b>Đảng bộ xã Trấn Dương</b>                                  | <b>4</b> | <b>4</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 24 | <b>Đảng bộ xã Trung Lập</b>                                   | <b>5</b> | <b>5</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 25 | <b>Đảng bộ xã Việt Tiến</b>                                   | <b>5</b> | <b>5</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 26 | <b>Đảng bộ xã Vĩnh An</b>                                     | <b>5</b> | <b>5</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 27 | <b>Đảng bộ xã Vĩnh Long</b>                                   | <b>3</b> | <b>3</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 28 | <b>Đảng bộ xã Vĩnh Phong</b>                                  | <b>3</b> | <b>3</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 29 | <b>Đảng bộ xã Vĩnh Quang</b>                                  | <b>6</b> | <b>6</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 30 | <b>Đảng bộ xã Vĩnh Tiến</b>                                   | <b>4</b> | <b>4</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 31 | <b>Đảng bộ Công an huyện</b>                                  | <b>2</b> | <b>2</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 32 | <b>Đảng bộ Bệnh viện Đa khoa huyện</b>                        | <b>5</b> | <b>5</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 33 | <b>Đảng bộ Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi</b> | <b>5</b> | <b>5</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 34 | <b>Đảng bộ trường THPT Vĩnh Bảo</b>                           | <b>2</b> | <b>2</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |
| 35 | <b>Đảng bộ trường THPT Nguyễn Bình Khiêm</b>                  | <b>3</b> | <b>3</b> | <i>100%</i>   | Hoàn thành       |

|    |                                         |            |            |      |                                  |
|----|-----------------------------------------|------------|------------|------|----------------------------------|
| 36 | Đảng bộ trường THPT Tô Hiệu             | 2          | 2          | 100% | Hoàn thành                       |
| 37 | Đảng bộ trường THPT Nguyễn Khuyến       | 2          | 2          | 100% | Hoàn thành                       |
| 38 | Chi bộ THPT Cộng Hiền                   | 2          | 2          | 100% | Hoàn thành                       |
| 39 | Chi bộ Hội LHPN huyện                   | 1          | 1          | 100% | Hoàn thành                       |
| 40 | Chi bộ Phòng Y tế                       | 1          | 1          | 100% | Hoàn thành                       |
| 41 | Chi bộ Phòng TNMT                       | 1          | 1          | 100% | Hoàn thành                       |
| 42 | Chi bộ GDNN và GDTX                     | 2          | 2          | 100% | Hoàn thành                       |
| 43 | Chi bộ Trạm Khuyến nông                 | 1          | 0          | -    | Không hoàn thành                 |
| 44 | Chi bộ Ngân hàng NN&PTNT Vĩnh Bảo       | 2          | 3          | 150% | Vượt chỉ tiêu 1                  |
| 45 | Chi bộ Ngân hàng NN&PTNT Nam Am         | 2          | 3          | 150% | Vượt chỉ tiêu 1                  |
| 46 | Ngân hàng CSXH huyện                    | 1          | 0          | -    | Không hoàn thành do chuyển nguồn |
| 47 | Chi bộ Bảo hiểm xã hội                  | 1          | 1          | 100% | Hoàn thành                       |
| 48 | Chi bộ Trung tâm Y tế                   | 2          | 2          | 100% | Hoàn thành                       |
| 49 | Chi bộ Trung tâm Phát triển quỹ đất     | 1          | 1          | 100% | Hoàn thành                       |
| 50 | Chi bộ VP ĐK QSD đất chi nhánh Vĩnh Bảo | 1          | 1          | 100% | Hoàn thành                       |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                        | <b>192</b> | <b>188</b> |      |                                  |

## PHỤ LỤC 02

**Kết quả phát triển đảng viên từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2022**  
 (kèm theo Công văn số 925-CV/HU, ngày 06/3/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy)

**KẾT QUẢ KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN SO VỚI CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI (Từ tháng 6/2020 đến hết tháng 12/2022)**

| STT | Tên tổ chức đảng cơ sở    | Số Đảng viên thống kê đầu Nhiệm kỳ 2020-2025 | Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đảng cơ sở | Kết quả 6 tháng cuối năm 2020 | Kết quả năm 2021 | Kết quả năm 2022 | Tổng số đảng viên kết nạp từ tháng 6/2020-12/2022 | Còn thiếu | Tỷ lệ % đã thực hiện so với Nghị quyết Đại hội |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|------------------|------------------|---------------------------------------------------|-----------|------------------------------------------------|
| 1   | Đảng bộ thị trấn Vĩnh Bảo | 654                                          | 30                                     | 5                             | 7                | 8                | 20                                                | 10        | 67%                                            |
| 2   | Đảng bộ xã An Hòa         | 243                                          | 35                                     | 1                             | 6                | 4                | 11                                                | 24        | 31%                                            |
| 3   | Đảng bộ xã Cổ Am          | 311                                          | 35                                     | 1                             | 4                | 2                | 7                                                 | 28        | 20%                                            |
| 4   | Đảng bộ xã Cộng Hiền      | 267                                          | 25                                     | 1                             | 6                | 6                | 13                                                | 12        | 52%                                            |
| 5   | Đảng bộ xã Cao Minh       | 340                                          | 35                                     | 1                             | 6                | 7                | 14                                                | 21        | 40%                                            |
| 6   | Đảng bộ xã Dũng Tiến      | 261                                          | 15                                     | 0                             | 3                | 5                | 8                                                 | 7         | 53%                                            |
| 7   | Đảng bộ xã Đồng Minh      | 341                                          | 30                                     | 5                             | 4                | 5                | 14                                                | 16        | 47%                                            |
| 8   | Đảng bộ xã Giang Biên     | 259                                          | 35                                     | 4                             | 7                | 8                | 19                                                | 16        | 54%                                            |
| 9   | Đảng bộ xã Hùng Tiến      | 253                                          | 25                                     | 2                             | 4                | 5                | 11                                                | 14        | 44%                                            |
| 10  | Đảng bộ xã Hưng Nhân      | 181                                          | 20                                     | 0                             | 2                | 3                | 5                                                 | 15        | 25%                                            |
| 11  | Đảng bộ xã Hòa Bình       | 323                                          | 25                                     | 1                             | 3                | 6                | 10                                                | 15        | 40%                                            |
| 12  | Đảng bộ xã Hiệp Hòa       | 253                                          | 25                                     | 3                             | 5                | 7                | 15                                                | 10        | 60%                                            |
| 13  | Đảng bộ xã Liên Am        | 288                                          | 25                                     | 2                             | 3                | 5                | 10                                                | 15        | 40%                                            |
| 14  | Đảng bộ xã Lý Học         | 227                                          | 25                                     | 4                             | 4                | 7                | 15                                                | 10        | 60%                                            |

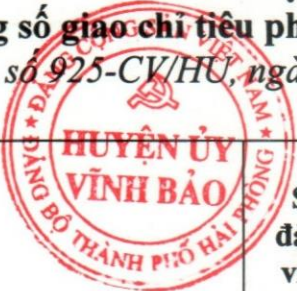
|    |                                     |     |    |   |   |   |    |    |           |
|----|-------------------------------------|-----|----|---|---|---|----|----|-----------|
| 15 | Đảng bộ xã Nhân Hòa                 | 265 | 25 | 0 | 6 | 6 | 12 | 13 | 48%       |
| 16 | Đảng bộ xã Trung Lập                | 246 | 25 | 4 | 6 | 5 | 15 | 10 | 60%       |
| 17 | Đảng bộ xã Thanh Lương              | 218 | 25 | 3 | 3 | 3 | 9  | 16 | 36%       |
| 18 | Đảng bộ xã Tân Liên                 | 295 | 25 | 0 | 5 | 5 | 10 | 15 | 40%       |
| 19 | Đảng bộ xã Tiền Phong               | 249 | 25 | 4 | 4 | 3 | 11 | 14 | 44%       |
| 20 | Đảng bộ xã Trần Dương               | 282 | 25 | 4 | 8 | 4 | 16 | 9  | 64%       |
| 21 | Đảng bộ xã Tân Hưng                 | 282 | 25 | 2 | 7 | 6 | 15 | 10 | 60%       |
| 22 | Đảng bộ xã Tam Đa                   | 280 | 25 | 2 | 3 | 4 | 9  | 16 | 36%       |
| 23 | Đảng bộ xã Thắng Thủy               | 246 | 25 | 4 | 5 | 6 | 15 | 10 | 60%       |
| 24 | Đảng bộ xã Tam Cường                | 260 | 25 | 3 | 3 | 6 | 12 | 13 | 48%       |
| 25 | Đảng bộ xã Vĩnh Long                | 162 | 20 | 2 | 3 | 3 | 8  | 12 | 40%       |
| 26 | Đảng bộ xã Vĩnh Quang               | 358 | 25 | 4 | 2 | 6 | 12 | 13 | 48%       |
| 27 | Đảng bộ xã Vĩnh An                  | 251 | 30 | 1 | 4 | 5 | 10 | 20 | 33%       |
| 28 | Đảng bộ xã Vĩnh Tiến                | 192 | 20 | 1 | 2 | 4 | 7  | 13 | 35%       |
| 29 | Đảng bộ xã Vĩnh Phong               | 194 | 20 | 1 | 2 | 3 | 6  | 14 | 30%       |
| 30 | Đảng bộ xã Việt Tiến                | 291 | 25 | 2 | 4 | 5 | 11 | 14 | 44%       |
| 31 | Đảng bộ cơ quan Đảng huyện          | 33  |    |   |   |   |    |    | Hết nguồn |
| 32 | Đảng bộ Công an huyện               | 101 | 15 | 2 | 2 | 2 | 6  | 9  | 40%       |
| 33 | Đảng bộ Quân sự huyện               | 56  |    |   |   |   |    |    | Hết nguồn |
| 34 | Đảng bộ Bệnh viện ĐK Vĩnh Bảo       | 108 | 15 | 6 | 8 | 5 | 19 | -4 | 127%      |
| 35 | Đảng bộ C.ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi | 116 | 24 | 4 | 4 | 5 | 13 | 11 | 54%       |

|    |                                            |    |    |   |   |   |   |    |           |
|----|--------------------------------------------|----|----|---|---|---|---|----|-----------|
| 36 | Đảng bộ Trường THPT Tô Hiệu                | 38 | 10 | 0 | 3 | 2 | 5 | 5  | 50%       |
| 37 | Đảng bộ Trường THPT Vĩnh Bảo               | 36 | 15 | 0 | 1 | 2 | 3 | 12 | 20%       |
| 38 | Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Khuyến          | 39 | 15 | 2 | 2 | 2 | 6 | 9  | 40%       |
| 39 | Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm      | 40 | 15 | 2 | 2 | 3 | 7 | 8  | 47%       |
| 40 | Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện       | 4  |    |   |   |   |   |    | Hết nguồn |
| 41 | Chi bộ Hội Cựu chiến binh huyện            | 3  |    |   |   |   |   |    | Hết nguồn |
| 42 | Chi bộ Huyện đoàn thanh niên               | 3  | 1  | 0 | 1 |   | 1 | 0  | 100%      |
| 43 | Chi bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện          | 4  |    |   |   | 1 | 1 | -1 |           |
| 44 | Chi bộ Hội Nông dân huyện                  | 3  | 1  | 0 | 1 | 0 | 1 | 0  | 100%      |
| 45 | Chi bộ Liên đoàn Lao động huyện            | 4  |    |   |   |   |   |    | Hết nguồn |
| 46 | Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND huyện           | 22 | 1  |   |   | 0 | 0 | 1  |           |
| 47 | Chi bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện     | 10 |    |   |   |   |   |    | Hết nguồn |
| 48 | Chi bộ Phòng Lao động-Thương binh & Xã hội | 6  |    |   |   |   |   |    | Hết nguồn |
| 49 | Chi bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT           | 8  | 1  | 1 | 1 | 0 | 2 | -1 | 200%      |
| 50 | Chi bộ Phòng Tài chính - Kế hoạch          | 10 |    |   |   |   |   |    |           |
| 51 | Chi bộ Phòng Văn hoá - Thông tin           | 4  |    |   |   |   |   |    |           |
| 52 | Chi bộ Phòng Kinh tế - Hạ tầng             | 8  |    |   |   |   |   |    |           |
| 53 | Chi bộ Phòng Tư pháp                       | 5  | 1  | 0 | 1 |   | 1 | 0  | 100%      |
| 54 | Chi bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường      | 5  | 1  | 0 | 0 | 1 | 1 | 0  | 100%      |
| 55 | Chi bộ Phòng Nội vụ                        | 7  |    |   |   |   |   |    | Hết nguồn |

|                  |                                                 |             |            |           |            |            |            |            |           |
|------------------|-------------------------------------------------|-------------|------------|-----------|------------|------------|------------|------------|-----------|
| 56               | Chi bộ Phòng Y tế                               | 4           |            |           |            | 1          | 1          | -1         | 200%      |
| 57               | Chi bộ Thanh tra huyện                          | 6           |            |           |            |            |            |            | Hết nguồn |
| 58               | Chi bộ Trung tâm Văn hóa-Thông tin & Thể thao   | 16          |            |           |            |            |            |            | Hết nguồn |
| 59               | Chi bộ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng        | 8           | 2          | 0         | 2          | 0          | 2          | 0          | 100%      |
| 60               | Chi bộ BQL di tích đền Trạng trình NBK          | 9           |            |           |            |            |            |            | Hết nguồn |
| 61               | Chi bộ Văn phòng Đăng ký QSD đất - chi nhánh VB | 6           | 2          | 0         | 0          | 1          | 1          | 1          | 50%       |
| 62               | Chi bộ Trung tâm phát triển quỹ đất             | 10          | 1          |           | 2          | 1          | 3          | -2         | 300%      |
| 63               | Chi bộ Trung tâm GDNN và GDTX                   | 24          | 5          | 2         | 1          | 2          | 5          | 0          | 100%      |
| 64               | Chi bộ Chi cục Thi hành án Dân sự               | 9           |            |           |            |            |            |            | Hết nguồn |
| 65               | Chi bộ Chi cục Thống kê                         | 5           |            |           |            |            |            |            | Hết nguồn |
| 66               | Chi bộ Viện kiểm sát nhân dân                   | 10          | 0          |           | 1          |            | 1          | -1         |           |
| 67               | Chi bộ Toà án nhân dân                          | 10          | 1          | 0         | 1          |            | 1          | 0          | 100%      |
| 68               | Chi bộ trường THPT Cộng Hiền                    | 28          | 2          | 0         | 1          | 2          | 3          | -1         | 150%      |
| 69               | Chi bộ Bảo hiểm xã hội                          | 14          | 1          | 0         | 0          | 1          | 1          | 0          | 100%      |
| 70               | Chi bộ Trạm Khuyến nông Vĩnh Bảo                | 21          | 3          | 0         | 2          |            | 2          | 1          | 67%       |
| 71               | Chi bộ Trung tâm Y tế                           | 27          | 10         | 0         | 1          | 2          | 3          | 7          | 30%       |
| 72               | Chi bộ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Vĩnh Bảo   | 26          | 15         | 3         | 2          | 3          | 8          | 7          | 53%       |
| 73               | Chi bộ Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Nam Am     | 17          | 10         | 0         | 3          | 3          | 6          | 4          | 60%       |
| 74               | Chi bộ Ngân hàng CSXH huyện                     | 9           | 1          | 0         | 0          | 0          | 0          | 1          | 0%        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                                 | <b>9204</b> | <b>943</b> | <b>89</b> | <b>176</b> | <b>188</b> | <b>453</b> | <b>490</b> |           |

**PHỤ LỤC 03****Bảng số giao chỉ tiêu phát triển đảng viên năm 2023**

(kèm theo Công văn số 925-CV/HU, ngày 06/3/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy)



| STT | Tên tổ chức đảng cơ sở    | Số đảng viên hiện có (tháng 12/2022) | Chỉ tiêu năm 2023 theo Kế hoạch 199-KH/TU (tổng số ĐV *3-4%/năm) | Chỉ tiêu giao 2023 | Nguồn Cảm tình đảng đã học chưa được kết nạp | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------|---------|
| 1   | Đảng bộ thị trấn Vĩnh Bảo | 662                                  | 19.86                                                            | 15                 | 4                                            |         |
| 2   | Đảng bộ xã An Hòa         | 248                                  | 7.44                                                             | 7                  | 2                                            |         |
| 3   | Đảng bộ xã Cổ Am          | 292                                  | 8.76                                                             | 8                  | 1                                            |         |
| 4   | Đảng bộ xã Cộng Hiền      | 265                                  | 7.95                                                             | 7                  | 2                                            |         |
| 5   | Đảng bộ xã Cao Minh       | 342                                  | 10.26                                                            | 9                  | 7                                            |         |
| 6   | Đảng bộ xã Dũng Tiến      | 270                                  | 8.1                                                              | 7                  | 6                                            |         |
| 7   | Đảng bộ xã Đồng Minh      | 346                                  | 10.38                                                            | 9                  | 3                                            |         |
| 8   | Đảng bộ xã Giang Biên     | 264                                  | 7.92                                                             | 7                  | 3                                            |         |
| 9   | Đảng bộ xã Hùng Tiến      | 255                                  | 7.65                                                             | 7                  | 3                                            |         |
| 10  | Đảng bộ xã Hưng Nhân      | 185                                  | 5.55                                                             | 6                  | 2                                            |         |
| 11  | Đảng bộ xã Hòa Bình       | 327                                  | 9.81                                                             | 9                  | 1                                            |         |
| 12  | Đảng bộ xã Hiệp Hòa       | 265                                  | 7.95                                                             | 7                  | 3                                            |         |
| 13  | Đảng bộ xã Liên Am        | 289                                  | 8.67                                                             | 8                  | 7                                            |         |
| 14  | Đảng bộ xã Lý Học         | 233                                  | 6.99                                                             | 7                  | 3                                            |         |
| 15  | Đảng bộ xã Nhân Hòa       | 270                                  | 8.1                                                              | 7                  | 2                                            |         |
| 16  | Đảng bộ xã Trung Lập      | 255                                  | 7.65                                                             | 7                  | 3                                            |         |

|    |                                     |     |       |   |   |                              |
|----|-------------------------------------|-----|-------|---|---|------------------------------|
| 17 | Đảng bộ xã Thanh Lương              | 225 | 6.75  | 7 | 3 |                              |
| 18 | Đảng bộ xã Tân Liên                 | 274 | 8.22  | 7 | 3 |                              |
| 19 | Đảng bộ xã Tiền Phong               | 233 | 6.99  | 7 | 6 |                              |
| 20 | Đảng bộ xã Trần Dương               | 282 | 8.46  | 8 | 3 |                              |
| 21 | Đảng bộ xã Tân Hưng                 | 282 | 8.46  | 8 | 3 |                              |
| 22 | Đảng bộ xã Tam Đa                   | 285 | 8.55  | 8 | 3 |                              |
| 23 | Đảng bộ xã Thắng Thủy               | 238 | 7.14  | 7 | 7 |                              |
| 24 | Đảng bộ xã Tam Cường                | 264 | 7.92  | 7 | 6 | Thành lập mới 01 chi bộ đảng |
| 25 | Đảng bộ xã Vĩnh Long                | 175 | 5.25  | 5 | 1 |                              |
| 26 | Đảng bộ xã Vĩnh Quang               | 362 | 10.86 | 9 | 3 |                              |
| 27 | Đảng bộ xã Vĩnh An                  | 270 | 8.1   | 7 | 4 |                              |
| 28 | Đảng bộ xã Vĩnh Tiến                | 206 | 6.18  | 6 | 1 |                              |
| 29 | Đảng bộ xã Vĩnh Phong               | 211 | 6.33  | 6 | 4 |                              |
| 30 | Đảng bộ xã Việt Tiến                | 294 | 8.82  | 8 | 5 |                              |
| 31 | Đảng bộ cơ quan Đảng huyện          | 33  | 0.99  | 0 |   | Hết nguồn                    |
| 32 | Đảng bộ Công an huyện               | 111 | 3.33  | 2 |   |                              |
| 33 | Đảng bộ Quân sự huyện               | 53  | 1.59  | 0 |   | Hết nguồn                    |
| 34 | Đảng bộ Bệnh viện ĐK Vĩnh Bảo       | 110 | 3.3   | 3 | 7 |                              |
| 35 | Đảng bộ C.ty TNHH MTV KTCT Thủy lợi | 119 | 3.57  | 4 | 5 |                              |
| 36 | Đảng bộ Trường THPT Tô Hiệu         | 41  | 1.23  | 5 | 5 |                              |
| 37 | Đảng bộ Trường THPT Vĩnh Bảo        | 36  | 1.08  | 6 | 6 |                              |

|                         |                                              |             |               |            |            |           |
|-------------------------|----------------------------------------------|-------------|---------------|------------|------------|-----------|
| 38                      | Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Khuyến            | 43          | 1.29          | 5          | 8          |           |
| 39                      | Đảng bộ Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm        | 42          | 1.26          | 5          | 3          |           |
| <b>Cộng đảng bộ (1)</b> |                                              | <b>8957</b> | <b>268.71</b> | <b>256</b> | <b>138</b> |           |
| 40                      | Chi bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện         | 4           | 0.12          | 0          |            | Hết nguồn |
| 41                      | Chi bộ Hội Cựu chiến binh huyện              | 3           | 0.09          | 0          |            | Hết nguồn |
| 42                      | Chi bộ Huyện đoàn thanh niên                 | 4           | 0.12          | 0          |            | Hết nguồn |
| 43                      | Chi bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện            | 4           | 0.12          | 1          | 1          |           |
| 44                      | Chi bộ Hội Nông dân huyện                    | 5           | 0.15          | 0          |            | Hết nguồn |
| 45                      | Chi bộ Liên đoàn Lao động huyện              | 4           | 0.12          | 0          |            | Hết nguồn |
| 46                      | Chi bộ Văn phòng HĐND&UBND huyện             | 22          | 0.66          | 2          | 2          |           |
| 47                      | Chi bộ Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện       | 8           | 0.24          | 0          |            | Hết nguồn |
| 48                      | Chi bộ Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội | 6           | 0.18          | 1          |            |           |
| 49                      | Chi bộ Phòng Nông nghiệp và PTNT             | 9           | 0.27          | 0          |            | Hết nguồn |
| 50                      | Chi bộ Phòng Tài chính - Kế hoạch            | 10          | 0.3           | 1          | 1          |           |
| 51                      | Chi bộ Phòng Văn hoá - Thông tin             | 5           | 0.15          | 1          | 1          |           |
| 52                      | Chi bộ Phòng Kinh tế - Hạ tầng               | 8           | 0.24          | 0          |            | Hết nguồn |
| 53                      | Chi bộ Phòng Tư pháp                         | 6           | 0.18          | 0          |            | Hết nguồn |
| 54                      | Chi bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường        | 5           | 0.15          | 1          |            |           |
| 55                      | Chi bộ Phòng Nội vụ                          | 8           | 0.24          | 0          |            | Hết nguồn |
| 56                      | Chi bộ Phòng Y tế                            | 6           | 0.18          | 0          |            | Hết nguồn |
| 57                      | Chi bộ Thanh tra huyện                       | 6           | 0.18          | 0          |            | Hết nguồn |

|                            |                                                       |             |              |            |            |           |
|----------------------------|-------------------------------------------------------|-------------|--------------|------------|------------|-----------|
| 58                         | Chi bộ Trung tâm Văn hóa - Thông tin & Thể thao       | 14          | 0.42         | 0          |            | Hết nguồn |
| 59                         | Chi bộ Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng              | 8           | 0.24         | 0          |            |           |
| 60                         | Chi bộ BQL di tích đền Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm  | 9           | 0.27         | 0          |            | Hết nguồn |
| 61                         | Chi bộ Văn phòng Đăng ký QSD đất - chi nhánh Vĩnh Bảo | 5           | 0.15         | 1          | 1          |           |
| 62                         | Chi bộ Trung tâm phát triển quỹ đất                   | 9           | 0.27         | 1          |            |           |
| 63                         | Chi bộ Trung tâm GDNN và GDTX                         | 25          | 0.75         | 1          |            |           |
| 64                         | Chi bộ Chi cục Thi hành án Dân sự                     | 8           | 0.24         | 0          |            | Hết nguồn |
| 65                         | Chi bộ Chi cục Thống kê                               | 5           | 0.15         | 0          |            | Hết nguồn |
| 66                         | Chi bộ Viện kiểm sát nhân dân                         | 12          | 0.36         | 0          |            | Hết nguồn |
| 67                         | Chi bộ Toà án nhân dân                                | 11          | 0.33         | 0          |            | Hết nguồn |
| 68                         | Chi bộ trường THPT Cộng Hiền                          | 29          | 0.87         | 3          |            |           |
| 69                         | Chi bộ Bảo hiểm xã hội                                | 15          | 0.45         | 1          | 1          |           |
| 70                         | Chi bộ Trạm Khuyến nông Vĩnh Bảo                      | 22          | 0.66         | 2          |            |           |
| 71                         | Chi bộ Trung tâm Y tế                                 | 28          | 0.84         | 2          | 2          |           |
| 72                         | Chi bộ Ngân hàng NN&PTNT Vĩnh Bảo                     | 28          | 0.84         | 2          |            |           |
| 73                         | Chi bộ Ngân hàng NN&PTNT Nam Am                       | 20          | 0.6          | 2          | 1          |           |
| 74                         | Chi bộ Ngân hàng CSXH huyện                           | 8           | 0.24         | 1          |            |           |
| <b>Cộng chi bộ (2)</b>     |                                                       | <b>379</b>  | <b>11.37</b> | <b>24</b>  | <b>9</b>   |           |
| <b>TỔNG CỘNG (1) + (2)</b> |                                                       | <b>9336</b> | <b>280.1</b> | <b>280</b> | <b>147</b> |           |